TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN S - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 23/2018/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 09 tháng 02 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 04/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018; giữa:

* *Người yêu cầu:*

+ Ông **Phan Minh H**, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 23 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà **Nguyễn Như Quỳnh T**, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 27 phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Phan Minh H và bà Nguyễn Như Quỳnh T. *Do công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phan Minh H và bà Nguyễn Như Quỳnh T nên giấy chứng nhận kết hôn số 110, quyển số 01 do UBND phường A, quận S cấp ngày 02/10/2009 không còn giá trị pháp lý.*

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Minh H và bà Nguyễn Như Quỳnh T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Ông H và bà T thỏa thuận: Giao con chung Phan Minh Nam H, sinh ngày 22/12/2011 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông H và bà T xác định không có.

- Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình: 300.000 đồng ông H và bà T tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 8479 ngày 12/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng. Ông H và bà T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện KSND quận S;
- UBND phường A;
- Chi cục THADS quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đông Thanh